TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04-9-2026
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Tân.

Bà Phan Thị Trang Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Nhật là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau.

Ngày 04 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2026 về "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Phương T; sinh năm 2004; căn cước công dân số: 087304011567, được cấp ngày 21/9/2022 *(xin vắng mặt)*.

Đăng ký thường trú: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.
Địa chỉ cư trú: Nhà T, đường A, khu V, phường G, tỉnh Tây Ninh.
Bị đơn: Ông Ngô Trung H, sinh năm 2001; căn cước công dân số: 096201014536, được cấp ngày 07/02/2022 *(vắng mặt)*.

Địa chỉ cư trú: Ấp C (nay là ấp T), xã Đ, tỉnh Cà Mau**.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn, bà Nguyễn Phương T trình bày:*

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Phương T và ông Ngô Trung H kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới gả theo phong tục địa phương và hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (cũ) ngày 11/6/2024.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống lúc đầu vợ chồng hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến mất hạnh phúc, vợ chồng ly thân vào khoảng tháng 8 năm 2024 đến nay. Khi ly thân, bà T sống ở nhà cha mẹ ruột tại ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp C, xã T,

tỉnh Đồng Tháp). Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Ngô Trung H.

- Về nuôi con: Có một người con chung tên Ngô Hạ V, sinh ngày 20/02/2025 (nữ), hiện nay cháu V đang sống với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn, ông Ngô Trung H:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông H không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà T yêu cầu ly hôn, về phần nuôi con, tài sản chung và công nợ. Đồng thời, Tòa án đã tống đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Ngô Trung H vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng.

Bà Nguyễn Phương T yêu cầu ly hôn với ông Ngô Trung H, yêu cầu nuôi con chung ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp "Xin ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; do ông H cư trú tại ấp C (nay là ấp T), xã Đ, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung một số Điều năm 2025).

Bà Nguyễn Phương T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt vì bận công việc, điều kiện đi lại khó khăn, yêu cầu này của đương sự là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Ngô Trung H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H

[2]. Về nội dung vụ án.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Phương T và ông Ngô Trung H kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới gả theo phong tục địa phương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 11/6/2024 thể hiện bà T và ông H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (cũ). Vì vậy, quan hệ giữa bà Nguyễn Phương T và ông Ngô Trung H được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà Nguyễn Phương T xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến mất hạnh phúc, vợ chồng không còn chung sống từ khoảng tháng 8/2024 nên bà Ngô Phương T1 yêu cầu ly hôn với ông Ngô Trung H. Tòa án đã triệu tập ông H nhiều lần để tham gia hoà giải,

xét xử nhưng ông vắng mặt không lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của bà T1 cho thấy ông H không thiện chí hàn gắn hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Phương T với ông Ngô Trung H theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con: Có một người con chung tên Ngô Hạ V, sinh ngày 20/02/2025 (nữ), hiện nay cháu V đang sống với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu nuôi dưỡng cháu V; ông Ngô Trung H không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của bà T. Mặt khác, cháu V hiện nay dưới 36 tháng tuổi (18 tháng 15 ngày tuổi) và từ khi hai đương sự sống ly thân cho đến nay, cháu V được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần nên giao cháu Nguyễn Hạ V1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Ông Ngô Trung H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Bà Nguyễn Phương T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Phương T ly hôn đối với ông Ngô Trung H.

Về nuôi con: Giao cháu Ngô Hạ V, sinh ngày 20/02/2025 (nữ), hiện nay cháu V đang sống với bà Nguyễn Phương T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Ngô Trung H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Phương T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007186 ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, bà T đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 8 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Phòng THADS Khu vực 5 – Cà Mau;
- UBND xã Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Diệu Hiền